

THÔNG BÁO
Về việc áp dụng giá dịch vụ sử dụng phà Vàm Cống

Căn cứ Quyết định 04/2020/QĐ-UBND ngày 19/02/2020 của UBND tỉnh Đồng Tháp quy định khung giá dịch vụ sử dụng Phà Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định 24/2021/QĐ-UBND n.ày 25/5/2021 của UBND tỉnh An Giang quy định giá dịch vụ sử dụng phà trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ công văn số 2881/VPUBND-KTTH ngày 5/6/2023 của văn phòng UBND tỉnh An Giang về việc tái hoạt động bến phà Vàm Cống cũ;

Căn cứ công văn số 1918/SGTVT-KHTC ngày 29/8/2023 của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang về việc áp dụng mức giá dịch vụ sử dụng bến phà Vàm Cống;

Căn cứ Thông báo số 70/TB.PĐT ngày 31/8/2023 của Phà Đồng Tháp về việc quy định giá dịch vụ sử dụng phà phà Vàm Cống (bờ Đồng Tháp).

Công ty Cổ Phần Phà An Giang thông báo mức giá dịch vụ sử dụng phà tại bến phà Vàm Cống (bờ Long Xuyên) như sau:

1. Đối tượng áp dụng: Áp dụng đối với người và các phương tiện tham gia giao thông đường bộ khi qua phà Vàm Cống.

2. Giá dịch vụ sử dụng phà.

2.1. Biểu mức thu giá dịch vụ sử dụng phà:

Số TT	Đối tượng trả tiền dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá (QĐ số 04/2020/QĐ-UBND, 19/02/2020 của tỉnh Đồng Tháp	Mức giá áp dụng từ 01/09/2023 đến 31/12/2023 theo Thông báo số 70/TB.PĐT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Vé lượt			
1	Xe mô tô 02 bánh, xe gắn máy, xe điện 02 bánh và các loại xe tương tự.	đồng/lượt	6.000	5.964
2	Xe thô sơ (xe lôi, ba gác, xích lô và các loại xe tương tự).	đồng/lượt	7.000	6.958
3	Xe ô tô con dưới 7 ghế.	đồng/lượt	25.000	24.850
4	Xe ô tô từ 7 ghế đến dưới 12 ghế; Xe ô tô bán tải; Xe ô tô tải có khối lượng toàn bộ dưới 03 tấn.	đồng/lượt	35.000	34.790

Số TT	Đối tượng trả tiền dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá (QĐ số 04/2020/QĐ-UBND, 19/02/2020 của tỉnh Đồng Tháp	Mức giá áp dụng từ 01/09/2023 đến 31/12/2023 theo Thông báo số 70/TB.PĐT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
5	Xe ô tô khách từ 12 ghế đến dưới 16 ghế; Xe buýt các loại. Xe ô tô tải có khối lượng toàn bộ từ 03 tấn đến dưới 05 tấn.	đồng/lượt	45.000	44.730
6	Xe ô tô khách từ 16 ghế đến 30 ghế; Xe ô tô giường nằm dưới 22 ghế. Xe ô tô tải có khối lượng toàn bộ từ 05 tấn đến dưới 07 tấn.	đồng/lượt	60.000	59.640
II	Thuê bao cả chuyến phà			
1	Thuê bao cả chuyến phà 40 tấn hoặc 60 tấn	đồng/chuyến	250.000	248.500
2	Thuê bao cả chuyến phà 100 tấn	đồng/chuyến	350.000	347.900
III	Vé tháng			
1	Xe mô tô 02 bánh, xe gắn máy, xe điện 02 bánh và các loại xe tương tự.	đồng/xe/tháng	180.000	178.920

2.2. Giá dịch vụ sử dụng phà quy định tại Điểm 2.1 Mục này được tính cho cả người, xe và hàng hóa trên xe và đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và bảo hiểm hành khách theo quy định.

3. Vé thu dịch vụ sử dụng phà.

3.1. Vé thu tiền dịch vụ sử dụng phà gồm 2 loại: Vé lượt, vé tháng. Cụ thể như sau:

- Vé lượt: Là vé có giá trị sử dụng dịch vụ sử dụng phà một lần cho một đối tượng phải trả tiền dịch vụ sử dụng phà.

- Vé tháng: Là vé có giá trị sử dụng dịch vụ sử dụng phà nhiều lần trong vòng 01 tháng, kể từ ngày 01 đến ngày kết thúc tháng theo thời hạn ghi trên vé (không phân biệt thời gian ban ngày hay ban đêm).

3.2. Đối tượng được áp dụng mua vé tháng: Người đi xe gắn máy, xe mô tô 02 bánh, xe điện 02 bánh và các loại xe tương tự.

4. Đối tượng được miễn thu.

4.1. Người đi bộ, xe đạp (bao gồm xe đạp điện), xe lôi đạp (xe xích lô), xe đẩy;

4.2. Người và phương tiện đi lại của công an, quân đội, thương binh, bệnh binh, sinh viên, học sinh, trẻ em dưới 10 tuổi, người khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng; Người cao tuổi.

4.3. Xe cứu thương, bao gồm cả các loại xe khác đang chở người bị tai nạn đến nơi cấp cứu;

4.4. Xe cứu hỏa;

4.5. Xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp gồm: máy cày, máy bừa, máy xới, máy làm cỏ, máy tuốt lúa;

4.6. Xe hộ đê; xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về chống lụt bão;

4.7. Xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh, bao gồm: xe tăng, xe bọc thép, xe kéo pháo, xe chở lực lượng vũ trang đang hành quân;

4.8. Xe, đoàn xe đưa tang;

4.9. Đoàn xe có xe hộ tống, dẫn đường;

4.10. Xe làm nhiệm vụ vận chuyển thuốc men, máy móc, thiết bị, vật tư, hàng hóa đến những nơi bị thảm họa hoặc đến vùng có dịch bệnh.

5. Tổ chức thực hiện.

5.1. Thủ trưởng xí nghiệp Phà có trách nhiệm:

- Triển khai áp dụng Bảng giá dịch vụ sử dụng phà đúng quy định;
- Niêm yết công khai bảng giá dịch vụ tại các phòng bán vé;

5.2. Phòng Kế hoạch - Vận tải phối hợp cùng phòng Kế toán theo dõi việc thực hiện, hướng dẫn và hỗ trợ xí nghiệp hoàn thành nhiệm vụ. Kịp thời báo cáo Ban Tổng Giám đốc để xử lý khi phát sinh khó khăn, vướng mắc./.

Nơi nhận:

- Sở GTVT (b/c);
- HDQT (b/c);
- Ban TGD;
- Ban Kiểm soát;
- XNVC, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Quốc Long